

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN ĐƯỢC GIAO DỊCH KÝ QUỸ

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
1	AAA	HOSE	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	50	8,000	50	90
2	ABT	HOSE	CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	30	70,000	30	90
3	ACB	HOSE	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	50	30,300	50	90
4	ACC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	30	13,600	30	90
5	ACG	HOSE	CTCP Gỗ An Cường	50	45,900	50	90
6	ADS	HOSE	Công ty Cổ phần Damsan	30	12,200	30	90
7	AGG	HOSE	Công ty Cổ phần đầu tư An Gia	50	16,400	50	90
8	AGR	HOSE	CTCP Chứng khoán Agribank	50	19,000	50	90
9	ANV	HOSE	Công ty Cổ phần Nam Việt	50	29,700	50	90
10	ASM	HOSE	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI	30	6,500	30	90
11	AST	HOSE	CTCP Dịch vụ hàng không Taseco	50	95,000	50	90
12	BAB	HNX	Ngân hàng Bắc Á	30	13,600	30	90
13	BAF	HOSE	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BaF Việt Nam	50	45,700	50	90
14	BCM	HOSE	Becamex IDC	50	70,000	50	90
15	BFC	HOSE	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	50	80,300	50	90
16	BIC	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50	30,500	50	90
17	BID	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50	55,300	50	90
18	BMC	HOSE	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	50	16,700	50	90
19	BMP	HOSE	Công ty cổ phần nhựa Bình Minh	50	191,600	50	90
20	BSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	50	45,600	50	90
21	BSR	HOSE	CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn	50	37,300	50	90
22	BVH	HOSE	Tập đoàn Bảo Việt	50	89,500	50	90
23	BVS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	50	34,000	50	90
24	BWE	HOSE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	50	55,100	50	90
25	C32	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2	30	18,400	30	90
26	C69	HNX	Công ty cổ phần Xây dựng 1369	30	18,400	30	90
27	CAP	HNX	Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái	50	44,100	50	90
28	CCL	HOSE	CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	30	5,000	30	90
29	CDC	HOSE	Công ty Cổ Phần Chương Dương	30	25,000	30	90
30	CDN	HNX	CTCP Cảng Đà Nẵng	30	38,400	30	90
31	CEO	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư C.E.O	50	22,200	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
32	CHP	HOSE	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Trung	30	31,300	30	90
33	CII	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	50	24,100	50	90
34	CKG	HOSE	Xây dựng Kiên Giang	30	10,700	30	90
35	CLC	HOSE	Công ty cổ phần Cát Lợi	30	60,000	30	90
36	CLL	HOSE	Công ty cổ phần Cảng Cát Lái	30	35,700	30	90
37	CMG	HOSE	CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC	50	37,500	50	90
38	CNG	HOSE	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	50	28,800	50	90
39	CRC	HOSE	Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam	30	8,900	30	90
40	CSC	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	30	19,400	30	90
41	CSM	HOSE	Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	50	14,700	50	90
42	CSV	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	50	33,700	50	90
43	CTD	HOSE	Công ty cổ phần Xây dựng Cotec	50	100,100	50	90
44	CTF	HOSE	CTCP City Auto	30	20,000	30	90
45	CTG	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam	50	46,000	50	90
46	CTI	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	50	27,400	50	90
47	CTR	HOSE	Công ty cổ phần Công trình Viettel	50	114,100	50	90
48	CTS	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	50	35,700	50	90
49	D2D	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	50	45,600	50	90
50	DBC	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	50	28,900	50	90
51	DBD	HOSE	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	50	57,600	50	90
52	DC4	HOSE	CTCP Xây dựng DIC Holdings	50	11,700	50	90
53	DCL	HOSE	Dược phẩm Cửu Long	30	45,000	30	90
54	DCM	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	50	54,600	50	90
55	DGW	HOSE	Công ty cổ phần Thế giới số	50	54,800	50	90
56	DHA	HOSE	Công ty Cổ phần Hoá An	50	57,500	50	90
57	DHC	HOSE	Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre	50	46,800	50	90
58	DHG	HOSE	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	50	114,700	50	90
59	DHT	HNX	Dược phẩm Hà Tây	30	70,400	30	90
60	DIG	HOSE	Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	50	18,500	50	90
61	DL1	HNX	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Alpha Seven	30	5,000	30	90
62	DMC	HOSE	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	30	66,400	30	90
63	DP3	HNX	CTCP Dược phẩm trung ương 3	50	66,400	50	90
64	DPG	HOSE	Công ty cổ phần Đạt Phương	50	54,100	50	90
65	DPM	HOSE	Tổng công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất đầu khí - CTCP	50	34,500	50	90
66	DPR	HOSE	Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú	50	54,700	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
67	DRC	HOSE	Công Ty Cổ Phần Cao Su Đà Nẵng	50	17,100	50	90
68	DSC	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	30	17,500	30	90
69	DSE	HOSE	Công ty cổ phần chứng khoán DNSE	50	26,600	50	90
70	DSN	HOSE	CTCP Công viên nước Đầm Sen	30	51,300	30	90
71	DTD	HNX	CTCP Đầu tư phát triển Thành Đạt	50	20,300	50	90
72	DVM	HNX	CTCP Dược liệu Việt Nam	30	6,200	30	90
73	DVP	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển cảng Đình Vũ	50	82,500	50	90
74	DXG	HOSE	Công ty Cổ phần BLUEMARQ GROUP	50	16,000	50	90
75	DXP	HNX	Cảng Đoạn Xá	50	17,000	50	90
76	DXS	HOSE	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	50	10,400	50	90
77	EIB	HOSE	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	50	26,000	50	90
78	ELC	HOSE	Phát triển Công nghệ ĐT - VT	50	22,500	50	90
79	EVE	HOSE	Công ty cổ phần Everpia Việt Nam	30	13,700	30	90
80	EVF	HOSE	Tài chính điện lực	50	17,500	50	90
81	EVG	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Everland	30	7,000	30	90
82	FCN	HOSE	Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON	50	16,500	50	90
83	FIR	HOSE	CTCP địa ốc First Real	30	6,000	30	90
84	FIT	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	30	4,500	30	90
85	FMC	HOSE	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	50	48,900	50	90
86	FPT	HOSE	Công ty cổ phần FPT	50	95,500	50	90
87	FRT	HOSE	Công ty cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	50	178,300	50	90
88	FTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	50	33,400	50	90
89	GAS	HOSE	Tổng Công ty Khí Việt Nam CTCP	50	106,500	50	90
90	GEE	HOSE	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX	50	75,000	50	90
91	GEG	HOSE	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	50	18,500	50	90
92	GEX	HOSE	Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	50	44,200	50	90
93	GIL	HOSE	Công ty Cổ phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh	50	17,400	50	90
94	GMD	HOSE	Công ty cổ phần Gemadept	50	100,600	50	90
95	GSP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	50	13,600	50	90
96	GVR	HOSE	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	50	46,600	50	90
97	HAG	HOSE	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	50	18,000	50	90
98	HAH	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	50	72,500	50	90
99	HAX	HOSE	Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	50	13,600	50	90
100	HCD	HOSE	CTCP Đầu tư Sản xuất và thương mại HCD	30	10,000	30	90
101	HCM	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	50	36,500	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
102	HDB	HOSE	Ngân hàng HD bank	50	30,000	50	90
103	HDC	HOSE	Công ty cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	50	24,000	50	90
104	HDG	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô	50	31,900	50	90
105	HHP	HOSE	Công ty cổ phần HHP GLOBAL	50	18,600	50	90
106	HHS	HOSE	Công ty Cổ Phần Đầu tư - Dịch vụ Hoàng Huy	50	16,300	50	90
107	HHV	HOSE	Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	50	15,800	50	90
108	HLD	HNX	BDS Hudland	30	22,000	30	90
109	HPG	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	50	34,200	50	90
110	HPX	HOSE	CTCP Đầu tư Hải Phát	30	5,000	30	90
111	HQC	HOSE	CTCP TV-TM-DV Địa ốc Hoàng Quân	50	2,800	50	90
112	HSG	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	50	16,300	50	90
113	HT1	HOSE	Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1	50	18,400	50	90
114	HTG	HOSE	Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ	30	46,100	30	90
115	HTI	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	30	29,500	30	90
116	HTN	HOSE	Hưng Thịnh Incons	30	7,500	30	90
117	HUB	HOSE	CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế	30	16,300	30	90
118	HUT	HNX	CTCP Tasco	50	16,700	50	90
119	HVH	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	50	13,900	50	90
120	HVT	HNX	CTCP Hóa chất Việt Trì	50	36,800	50	90
121	IDC	HNX	Tổng Công ty IDICO	50	59,600	50	90
122	IDI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI	30	8,200	30	90
123	IDV	HNX	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	30	29,100	30	90
124	IJC	HOSE	Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	50	12,900	50	90
125	ILB	HOSE	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	30	27,300	30	90
126	IMP	HOSE	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	50	57,600	50	90
127	IPA	HNX	Tập đoàn IPA	50	20,400	50	90
128	ITC	HOSE	CTCP Đầu tư và Kinh doanh nhà	50	15,200	50	90
129	IVS	HNX	Công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)	30	8,900	30	90
130	KBC	HOSE	Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	50	42,200	50	90
131	KDC	HOSE	Công ty cổ phần Kinh Đô	50	54,000	50	90
132	KDH	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	50	30,500	50	90
133	KHG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khai Hoàn Land	30	6,500	30	90
134	KHP	HOSE	CTCP Điện lực Khánh Hòa	30	12,300	30	90
135	KHS	HNX	CTCP Kiên Hùng	30	13,600	30	90
136	KSB	HOSE	Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	50	20,400	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
137	KSV	HNX	Tổng công ty khoáng sản TKV - CTCP	30	125,000	30	90
138	L14	HNX	Công ty Cổ phần Licogi 14	50	25,000	50	90
139	L18	HNX	CTCP Đầu tư và Xây dựng số 18 (LICOGI 18)	30	29,300	30	90
140	LAS	HNX	Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	50	20,200	50	90
141	LBM	HOSE	CTY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG	30	35,900	30	90
142	LCG	HOSE	Công ty cổ phần LICOGI 16	50	12,300	50	90
143	LHC	HNX	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	50	88,200	50	90
144	LHG	HOSE	CTCP Long Hậu	50	36,800	50	90
145	LIX	HOSE	Công ty cổ phần Bột giặt Lix	50	32,300	50	90
146	LPB	HOSE	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	50	60,000	50	90
147	LSS	HOSE	Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn	50	9,000	50	90
148	MBB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	50	33,200	50	90
149	MBS	HNX	CTCP Chứng khoán MB	50	25,500	50	90
150	MCM	HOSE	Công ty CP Giồng bò sữa Mộc Châu	50	38,300	50	90
151	MIG	HOSE	Bảo hiểm Quân đội	50	23,000	50	90
152	MSB	HOSE	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	50	18,000	50	90
153	MSH	HOSE	Công ty cổ phần May Sông Hồng	50	46,300	50	90
154	MSN	HOSE	CTCP Tập đoàn Ma San	50	100,400	50	90
155	MWG	HOSE	Công ty cổ phần đầu tư thế giới di động	50	106,000	50	90
156	NAB	HOSE	Ngân hàng TMCP Nam Á	50	16,800	50	90
157	NAF	HOSE	CTCP NaFoods Group	50	35,000	50	90
158	NAG	HNX	CTCP Tập đoàn Nagakawa	30	8,500	30	90
159	NBB	HOSE	Công ty cổ phần đầu tư Năm Bẩy Bẩy	30	23,900	30	90
160	NBC	HNX	CTCP Than Núi Béo	30	10,600	30	90
161	NCT	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	50	119,400	50	90
162	NDN	HNX	CTCP Đầu tư phát triển nhà Đà Nẵng	30	12,000	30	90
163	NET	HNX	Công ty cổ phần Bột giặt Net	30	85,800	30	90
164	NHA	HOSE	Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	50	16,800	50	90
165	NHH	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	50	14,100	50	90
166	NKG	HOSE	Công ty cổ phần Thép Nam Kim	50	18,100	50	90
167	NLG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	50	34,500	50	90
168	NNC	HOSE	Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ	30	55,500	30	90
169	NO1	HOSE	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn 911	30	6,000	30	90
170	NSC	HOSE	Giống cây trồng TW	50	80,000	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
171	NT2	HOSE	Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	50	30,400	50	90
172	NTL	HOSE	Công ty cổ phần Phát triển đô thị Từ Liêm	50	21,000	50	90
173	NTP	HNX	Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong	50	79,000	50	90
174	NVL	HOSE	Địa ốc Novaland	50	15,000	50	90
175	OCB	HOSE	Ngân hàng Phương Đông	50	14,700	50	90
176	ORS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	30	13,800	30	90
177	PAC	HOSE	Công ty Cổ phần Pin Ác quy miền Nam	50	29,100	50	90
178	PAN	HOSE	Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình	50	41,800	50	90
179	PC1	HOSE	Công ty cổ phần Xây lắp điện 1	50	24,800	50	90
180	PDR	HOSE	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	50	21,300	50	90
181	PET	HOSE	Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	50	62,300	50	90
182	PGC	HOSE	Tổng công ty Gas Petrolimex - CTCP	50	16,700	50	90
183	PGD	HOSE	Công ty cổ phần Phân phối khí Thấp áp Dầu khí Việt Nam	30	28,100	30	90
184	PGS	HNX	Công ty cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam	50	34,800	50	90
185	PHR	HOSE	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	50	86,200	50	90
186	PLC	HNX	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	50	28,800	50	90
187	PLX	HOSE	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	50	52,100	50	90
188	PNJ	HOSE	Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận	50	87,200	50	90
189	POW	HOSE	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	50	18,000	50	90
190	PPC	HOSE	Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	50	12,300	50	90
191	PPT	HNX	CTCP PETRO TIMES	30	10,000	30	90
192	PSD	HNX	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	30	22,600	30	90
193	PSI	HNX	Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí	30	10,800	30	90
194	PTB	HOSE	Công ty Cổ phần Phú Tài	50	50,000	50	90
195	PVB	HNX	Công ty cổ phần Bọc Ống Dầu khí Việt Nam	50	35,700	50	90
196	PVC	HNX	Tổng CT Dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí	50	19,800	50	90
197	PVD	HOSE	Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí	50	41,600	50	90
198	PVG	HNX	CTCP Kinh doanh LPG Việt Nam	30	8,500	30	90
199	PVI	HNX	Công ty Cổ phần PVI	50	88,000	50	90
200	PVP	HOSE	CTCP Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	50	23,900	50	90
201	PVS	HNX	Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	50	51,700	50	90
202	PVT	HOSE	Tổng Công ty cổ phần Vận tải dầu khí	50	29,800	50	90
203	RAL	HOSE	CCP Phích nước Rạng Đông	50	104,600	50	90
204	REE	HOSE	Công ty cổ phần Cơ điện lạnh	50	74,300	50	90
205	S99	HNX	CTCP SCI	30	11,000	30	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
206	SAB	HOSE	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	50	61,700	50	90
207	SAM	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM	50	7,000	50	90
208	SBA	HOSE	CTCP Sông Ba	30	35,000	30	90
209	SBG	HOSE	CTCP Tập đoàn cơ khí công nghệ cao SIBA	30	14,500	30	90
210	SBT	HOSE	CTCP mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	50	26,900	50	90
211	SCR	HOSE	Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	30	7,000	30	90
212	SCS	HOSE	CTCP Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	50	67,600	50	90
213	SGN	HOSE	Công ty phục vụ mặt đất Sài Gòn	50	71,400	50	90
214	SGR	HOSE	CTCP Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	30	19,900	30	90
215	SGT	HOSE	CTCP Công nghệ viễn thông Sài Gòn	30	20,500	30	90
216	SHB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	50	18,100	50	90
217	SHI	HOSE	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	30	15,400	30	90
218	SHS	HNX	Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	50	22,900	50	90
219	SIP	HOSE	CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG	50	72,100	50	90
220	SJD	HOSE	CTCP Thủy điện Cần Đơn	50	19,000	50	90
221	SJE	HNX	Công ty cổ phần Sông Đà 11	30	18,900	30	90
222	SJS	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	50	55,000	50	90
223	SKG	HOSE	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	50	10,400	50	90
224	SLS	HNX	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	50	170,000	50	90
225	SMB	HOSE	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung	30	45,000	30	90
226	SSB	HOSE	Ngân hàng Đông Nam Á	50	21,500	50	90
227	SSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	50	36,200	50	90
228	STB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Tài Lộc	50	80,000	50	90
229	STK	HOSE	Công ty Cổ phần Sợi Thế kỷ	50	17,400	50	90
230	SZB	HNX	CTCP Sonadezi Long Bình	30	44,800	30	90
231	SZC	HOSE	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	50	33,500	50	90
232	SZL	HOSE	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	30	50,700	30	90
233	TAL	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	50	33,000	50	90
234	TCB	HOSE	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	50	43,300	50	90
235	TCH	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	50	21,400	50	90
236	TCI	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công	30	13,000	30	90
237	TCL	HOSE	Công ty cổ phần Đại lý giao nhận Vận tải xếp dỡ Tân Cảng	50	40,600	50	90
238	TCM	HOSE	Công ty cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	50	29,200	50	90
239	TCO	HOSE	CÔNG TY CỔ PHẦN TCO HOLDINGS	50	10,000	50	90
240	TCX	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	50	63,300	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
241	TDC	HOSE	CTCP KD Phát triển Bình Dương	30	14,700	30	90
242	TDM	HOSE	Công ty cổ phần Nước Thù Dầu Một	50	61,400	50	90
243	TDT	HNX	CTCP Đầu tư phát triển TDT	20	7,300	0	0
244	THG	HOSE	Đầu tư Xây dựng Tiền Giang	50	50,200	50	90
245	TIG	HNX	Đầu tư Thăng Long	30	7,500	30	90
246	TIP	HOSE	Công ty cổ phần Phát triển khu công nghiệp Tín Nghĩa	50	24,700	50	90
247	TLG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	50	59,600	50	90
248	TMB	HNX	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC- VINACOMIN	30	64,000	30	90
249	TNG	HNX	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	50	25,700	50	90
250	TPB	HOSE	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	50	20,600	50	90
251	TRA	HOSE	Công ty Cổ phần TRAPHACO	30	90,400	30	90
252	TRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	50	91,800	50	90
253	TTA	HOSE	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tường Thành	50	13,100	50	90
254	TV2	HOSE	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 2	50	42,100	50	90
255	TVD	HNX	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	30	11,000	30	90
256	TVS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	50	18,000	50	90
257	VAB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á	50	11,700	50	90
258	VC3	HNX	Công ty cổ phần Xây dựng số 3	50	27,800	50	90
259	VC7	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	30	11,200	30	90
260	VCB	HOSE	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	50	80,600	50	90
261	VCG	HOSE	Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	50	28,000	50	90
262	VCI	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán VIETCAP	50	33,100	50	90
263	VCK	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán VPS	50	40,000	50	90
264	VCS	HNX	Công ty cổ phần Vicostone	50	52,500	50	90
265	VDS	HOSE	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	50	17,900	50	90
266	VFG	HOSE	CTCP Khử trùng Việt Nam	50	65,100	50	90
267	VFS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	50	17,000	50	90
268	VGC	HOSE	Tổng Công ty Viglacera	50	56,600	50	90
269	VGS	HNX	Công ty cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	50	30,800	50	90
270	VHC	HOSE	Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	50	78,100	50	90
271	VHM	HOSE	CTCP Vinhomes	50	95,000	50	90
272	VIB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	50	20,900	50	90
273	VIC	HOSE	Tập Đoàn VinGroup - Công ty cổ phần	50	50,000	50	90
274	VIP	HOSE	CTCP Vận tải Xăng dầu Vipco	50	15,200	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
275	VIX	HOSE	CTCP Chứng khoán VIX	50	23,800	50	90
276	VJC	HOSE	Công ty cổ phần hàng không Vietjet	50	125,000	50	90
277	VNM	HOSE	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	50	78,000	50	90
278	VNR	HNX	Tái Bảo hiểm Việt Nam	50	23,100	50	90
279	VOS	HOSE	CTCP Vận tải biển Việt Nam	50	16,400	50	90
280	VPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	50	35,700	50	90
281	VPI	HOSE	CTCP Đầu tư Văn Phú - Invest	50	55,000	50	90
282	VPL	HOSE	Công ty cổ phần Vinpearl	30	70,000	30	90
283	VPX	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán VPBANK	50	33,000	50	90
284	VRE	HOSE	CTCP Vincom Retail	50	33,000	50	90
285	VSC	HOSE	Công ty cổ phần Container Việt Nam	50	27,600	50	90
286	VTO	HOSE	Công ty cổ phần Vận tải xăng dầu VITACO	50	15,000	50	90
287	VTP	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	50	86,900	50	90
288	VTZ	HNX	CTCP Sản xuất và Thương mại nhựa Việt Thành	50	15,000	50	90
289	YEG	HOSE	CTCP Tập đoàn Yeah1	50	11,000	50	90

Ghi chú: Giá cho vay tối đa của các sự kiện quyền sẽ được tính như sau:

- Quyền mua đã thực hiện, Cổ phiếu thưởng, Cổ tức bằng cổ phiếu: Giá cho vay tối đa = (Giá cơ sở + (Giá cổ phiếu phát hành thêm dành cho quyền mua * Tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm dành cho quyền mua) - Cổ tức bằng tiền trên 1 cổ phiếu)/(1 + Tỷ lệ thực hiện cổ tức bằng cổ phiếu + Tỷ lệ thực hiện cổ tức bằng cổ phiếu thưởng + Tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm dành cho quyền mua) * Hệ số rủi ro